

TCCS 03:2010/CĐTND

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LỢI PHONG
TIỀN, HOA TIÊU CÔNG THUỘC NỘI ĐỊA, CÔNG NHÂN
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CÔNG THƯƠNG**

HÀ NỘI - 2010

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03:2010/CĐTND “**Cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái ph-ơng tiện, hoa tiêu đ-ờng thuỷ nội địa, công nhân xây dựng công trình đ-ờng thuỷ**” do Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam biên soạn, Bộ Giao thông vận tải thẩm tra, Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam công bố theo Quyết định số /QĐ-CĐTND ký ngày tháng 12 năm 2009.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
Chương I	
QUY ĐỊNH CHUNG	
1.1	Mục tiêu 6
1.2	Đối tượng 6
1.3	Phạm vi áp dụng 6
1.4	Thật ngữ và định nghĩa 6
1.5	Phân loại chuyên ngành lao động 7
Chương II	
TIÊU CHUẨN CƠ SỞ ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH	
2.1	Tiêu chuẩn chung về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với các cơ sở đào tạo chuyên ngành 8
2.1.1	Tiêu chuẩn đối với phòng học 8
2.1.2	Tiêu chuẩn đối với th- viện 9
2.1.3	Tiêu chuẩn đối với nhà làm việc 9
2.1.4	Tiêu chuẩn đối với khu rèn luyện thể chất 10
2.1.5	Tiêu chuẩn đối với khối phục vụ sinh hoạt 10
2.1.6	Hệ thống điện yếu trong cơ sở dạy nghề 11
2.1.7	Yêu cầu về cấp, thoát nước 11
2.1.8	Yêu cầu về phòng cháy chữa cháy 11
2.2	Tiêu chuẩn riêng đối với cơ sở đào tạo thủy thủ và điều khiển ph- ong tiện thủy nội địa 13
2.2.1	Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu 13
2.2.1.1	Tên phòng học 13
2.2.1.2	Yêu cầu về, trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với phòng học chuyên môn 13
2.2.1.3	Tiêu chuẩn đối với phòng học thực hành hàn, nguội 16
2.2.1.4	Yêu cầu về, trang thiết bị đối với phòng học thực hành hàn, nguội 16
2.2.1.5	Yêu cầu về trang thiết bị tối thiểu đối với khu vực dạy thực hành điều khiển ph- ong tiện 17
2.2.2	Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ 17
2.2.2.1	Tiêu chuẩn đối với đội ngũ giáo viên 17
2.2.2.2	Tiêu chuẩn đối với tài liệu giảng dạy 17
2.3	Tiêu chuẩn riêng đối với cơ sở đào tạo thợ máy và khai thác máy tàu thủy 20
2.3.1	Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu 20
2.3.1.1	Tên phòng học 20
2.3.1.2	Yêu cầu về, trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với phòng học chuyên môn 20
2.3.1.3	Tiêu chuẩn chung đối với phòng học thực hành máy điện cơ khí 22
2.3.1.4	Yêu cầu về thiết bị tối thiểu trong phòng thực hành máy điện cơ khí 22
2.3.1.5	Yêu cầu về trang thiết bị tối thiểu của khu vực dạy thực hành khai thác máy 24
2.3.2	Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ 25
2.3.2.1	Tiêu chuẩn đối với đội ngũ giáo viên 25
2.3.2.2	Tiêu chuẩn đối với tài liệu giảng dạy 25
2.4	Tiêu chuẩn riêng đối với cơ sở đào tạo Hoa tiêu đ- ờng thủy nội địa 27
2.4.1	Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu 27
2.4.1.1	Tên phòng học 27
2.4.1.2	Yêu cầu về, trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với phòng học chuyên 27

	môn	
2.4.1.3	Yêu cầu về thiết bị tối thiểu trong phòng thực hành	28
2.4.2	Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	29
2.4.2.1	Tiêu chuẩn đối với đội ngũ giáo viên	29
2.4.2.2	Tiêu chuẩn đối với tài liệu giảng dạy	29
2.5	Tiêu chuẩn riêng đối với cơ sở đào tạo công nhân xây dựng công trình đ- ờng thủy	31
2.5.1	Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu	31
2.5.1.1	Tên phòng học	31
2.5.1.2	Yêu cầu về, trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với phòng học chuyên môn	31
2.5.2	Tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	33
2.5.2.1	Tiêu chuẩn đối với đội ngũ giáo viên	33
2.5.2.2	Tiêu chuẩn đối với tài liệu giảng dạy	33

Ch- ơng III

HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NG- ỒI LÁI PH- ƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

3.1	Điều kiện để cấp giấy chứng nhận đào tạo thuyền viên, ng- ời lái ph- ơng tiện thủy nội địa	34
3.2	Hồ sơ đăng ký đào tạo thuyền viên, ng- ời lái ph- ơng tiện thủy nội địa	34
	Phụ lục I : Tiêu chí thẩm định đối với cơ sở đào tạo thuyền viên, ng- ời lái ph- ơng tiện thủy nội địa	35
	Phụ lục II: H- ướng dẫn cách chấm điểm và phân loại cơ sở đào tạo thuyền viên, ng- ời lái ph- ơng tiện thủy nội địa	39

Chương 1: Quy định chung

1.1 Mục tiêu

Tiêu chuẩn được công bố nhằm quy định cụ thể về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu và chuyên môn nghiệp vụ đối với cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái ph-ong tiện, hoa tiêu đ-ờng thủy nội địa, công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy.

Tiêu chuẩn này là căn cứ để cơ sở đào tạo tự kiểm tra, đánh giá năng lực đào tạo, từ đó xây dựng kế hoạch đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên để hoàn thiện theo quy định.

Tiêu chuẩn này là cơ sở để các cơ quan chức năng làm căn cứ đánh giá năng lực đào tạo dạy nghề đối với cơ sở đào tạo.

1.2 Đối tượng

Tiêu chuẩn này áp dụng đối với các cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái ph-ong tiện, hoa tiêu đ-ờng thủy nội địa, công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy thuộc mọi thành phần kinh tế trong phạm vi cả nước.

1.3 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu và chuyên môn nghiệp vụ đối với các cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái ph-ong tiện, hoa tiêu đ-ờng thủy nội địa, công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy.

1.4 Thuật ngữ và định nghĩa

1.4.1 Thuyền viên là người làm việc theo chức danh quy định trên ph-ong tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn hoặc ph-ong tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 mã lực hoặc ph-ong tiện có sức chở trên 12 người.

1.4.2 Người lái ph-ong tiện là người trực tiếp điều khiển ph-ong tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc ph-ong tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 mã lực hoặc ph-ong tiện có sức chở đến 12 người hoặc bè.

1.4.3 Hoa tiêu đ-ờng thủy nội địa là người tư vấn, giúp thuyền trưởng điều khiển ph-ong tiện hành trình an toàn.

1.4.4 Công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy là người trực tiếp thực hiện công việc xây dựng, bảo trì các kết cấu hạ tầng đ-ờng thủy theo hồ sơ thiết kế do cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc theo định mức, định ngạch.

1.5 Phân loại chuyên ngành lao động

1.5.1 Theo tính chất nghề nghiệp:

- a) Thủy thủ;
- b) Điều khiển ph-ong tiện thủy nội địa;
- c) Khai thác máy tàu thủy;
- d) Hoa tiêu đ-ờng thủy nội địa;
- đ) Công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy.

1.5.2 Theo nhiệm vụ, chức danh nghề nghiệp

- a) Thủy thủ;
- b) Ng-ời lái ph-ong tiện thủy nội địa;
- c) Thuyền tr-ởng;
- d) Máy tr-ởng;
- đ) Thợ máy;
- e) Hoa tiêu đ-ờng thủy nội địa;
- g) Công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy.

1.5.3 Theo trình độ đào tạo

1.5.3.1 Trình độ sơ cấp nghề:

- a) Thủy thủ;
- b) Thợ máy;
- c) Ng-ời lái ph-ong tiện;
- d) Đào tạo cơ bản và bổ túc nâng hạng bằng thuyền tr-ởng, máy tr-ởng;
- đ) Công nhân xây dựng công trình đ-ờng thủy.

1.5.3.2 Trình độ trung cấp nghề:

- a) Điều khiển ph-ong tiện thủy nội địa;
- b) Khai thác máy tàu thủy;
- c) Xây dựng công trình đ-ờng thủy.

1.5.3.3 Trình độ cao đẳng nghề

- a) Điều khiển ph-ong tiện thủy nội địa;
- b) Khai thác máy tàu thủy;
- c) Xây dựng công trình đ-ờng thủy.

Cơ sở đào tạo thuyên viên, ng- ời lái ph- ong tiện, hoa tiêu đ- ờng thủy nội địa, công nhân xây dựng công trình đ- ờng thủy -

Ch- ong 2: Tiêu chuẩn của các cơ sở đào tạo chuyên ngành đ- ờng thủy nội địa

2.1. Tiêu chuẩn chung về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với các cơ sở đào tạo chuyên ngành

2.1.1. Tiêu chuẩn đối với phòng học:

- a) Diện tích tối thiểu mỗi phòng học phải đạt $48m^2$, định mức chung phải đạt ít nhất $1,5m^2$ /học sinh;
- b) Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và có các thiết bị chiếu sáng nhân tạo;
- c) Có không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn và nơi môi tr- ờng bị ô nhiễm;
- d) Khoảng cách giữa các trang thiết bị trong phòng học theo bảng 1:

Bảng 1.

Khoảng cách giữa các thiết bị trong phòng học

Ký hiệu	Tên gọi các khoảng cách	Kích th- ớc (m)
b	Chiều rộng phòng học, không nhỏ hơn	6.0
n_1	Khoảng cách giữa các dãy bàn, không nhỏ hơn	0.6
n_2	Khoảng cách giữa dãy bàn ngoài và t- ờng ngoài, không nhỏ hơn	0.5
y	Khoảng cách từ dãy bàn cuối đến bảng, không lớn hơn	10.0
y_1	Khoảng cách từ dãy bàn đầu đến bảng, không nhỏ hơn	
	- Với phòng học chuyên ngành - Với phòng học lý thuyết chung	2.0 1.6
y_2	Khoảng cách giữa hai bàn trong cùng một dãy, không nhỏ hơn	0.6
y_3	Khoảng cách từ dãy bàn cuối tới t- ờng sau, không nhỏ hơn	0.7
y_4	Khoảng cách từ bàn giáo viên đến bảng, không nhỏ hơn	0.8
α	Góc nhìn từ chỗ ngồi ngoài cùng ở bàn đầu đến mép trong của bảng, không nhỏ hơn	30^0

2.1.2 Tiêu chuẩn đối với th- viện

Th- viện trong tr- ờng dạy nghề bao gồm kho sách, phòng đọc cho giáo viên và phòng đọc cho học sinh. Diện tích các phòng tính theo bảng 7.

Bảng 7.**Tiêu chuẩn diện tích các phòng trong th- viện**

Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích (m ²)
- Kho sách	Cho 1.000 đơn vị sách	2.2
- Phòng đọc sách của học sinh	Chỗ	1.5 ÷ 1.8
- Phòng đọc sách của cán bộ, giáo viên	Chỗ	2.0 ÷ 2.4

- Số chỗ trong phòng đọc của th- viện tính nh- sau:
- + Cho 3% số học sinh toàn tr- ờng trở lên;
- + Cho 20% cán bộ giảng dạy;
- + Số l- ợng sách trong kho tính từ 25 đơn vị sách trở lên cho một học sinh.

2.1.3 Tiêu chuẩn đối với nhà làm việc

Diện tích các phòng làm việc của Ban giám hiệu, phòng nghiệp vụ đ- ợc tính theo bảng 8.

Bảng 8.**Diện tích các phòng làm việc**

Tên phòng	Đơn vị	Diện tích (m ²)
Phòng Hiệu tr- ờng (Giám đốc)	Phòng	20 ÷ 25
Phòng Phó hiệu tr- ờng (Phó giám đốc)	Phòng	12 ÷ 15
Phòng giáo viên, các bộ môn, khoa	Giáo viên	5 ÷ 6
Phòng cán bộ hành chính, nghiệp vụ quản lý	Cán bộ	4 ÷ 5,5
Phòng họp hội đồng	Phòng	18 ÷ 24
Phòng chuẩn bị giảng dạy của giáo viên	Phòng	1,2 ÷ 1,5

CHỖ THỜCH:

- Các tr- ờng, phó phòng ban tính theo tiêu chuẩn 10m² ÷ 12m²/ng- ời;
- Phòng giáo viên có thể chia theo bộ môn hoặc tập trung thành phòng lớn để tiện làm việc, hội họp;
- Phòng chuẩn bị giảng dạy của giáo viên chia thành bộ môn, diện tích mỗi phòng không nhỏ hơn 18m².

2.1.4 Tiêu chuẩn đối với khu rèn luyện thể chất

Khu thể dục thể thao đối với các cơ sở dạy nghề gồm các công trình sau:

- Sân tập thể dục, điền kinh;
- Hồ bơi đơn giản có kích th- ớc tối thiểu đạt chiều dài × chiều rộng (50m × 25m).

2.1.5 Tiêu chuẩn đối với khối phục vụ sinh hoạt

Khối phục vụ sinh hoạt nội trú của học sinh trong trường dạy nghề gồm: ký túc xá, nhà ăn, trạm y tế và các công trình phục vụ sinh hoạt khác

Diện tích ở cho học sinh trong cơ sở dạy nghề theo bảng 9:

Bảng 9.

Tiêu chuẩn diện tích ở của học sinh

Thành phần	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Học sinh nam	3.5	G- ờng 2 tầng
Học sinh nữ	4.0	G- ờng 2 tầng

Diện tích nhà ăn tập thể và các bộ phận trong nhà ăn theo bảng sau:

Bảng 10.

Diện tích các bộ phận trong nhà ăn

Phòng □ bộ phận	Diện tích (m ² /chỗ)	
	Nhà ăn 300 chỗ	Nhà ăn 500 chỗ
Khu bếp và kho	0,88	0,63
Phòng ăn	1,12	0,99
Khu vực hành chính, kho phụ	0,25	0,16

Diện tích các phòng của trạm y tế theo bảng 11:

Bảng 11.

Diện tích các phòng của trạm Y tế

Tên phòng	Đơn vị tính	Diện tích (m ²)
Phòng trạm tr- ởng, y tá trực	Phòng	9 ÷ 12
Phòng khám bệnh	Phòng	12
Phòng y tế, hồ sơ	Phòng	12
Phòng tiêm và thủ thuật	Phòng	9 ÷ 12
Phòng bệnh nhân	1 gi- ờng/100 học sinh	4

2.1.6 Hệ thống điện yếu trong cơ sở dạy nghề gồm

- a) Điện thoại, internet;
- b) Điện truyền thanh, thiết bị âm thanh trong phòng học, hội tr- ờng;
- c) Chuông điện báo giờ, đồng hồ điện;
- d) Tín hiệu bảo vệ.

2.1.7 Yêu cầu về cấp, thoát n- ớc

a) Cấp n- ớc: các cơ sở đào tạo phải có hệ thống cấp n- ớc chung cho học sinh sinh hoạt, trong tr- ờng hợp không có hệ thống cấp n- ớc bên ngoài thì phải có giếng và hệ thống lọc n- ớc đơn giản. Tiêu chuẩn sử dụng n- ớc theo bảng 12.

Bảng 12.

Tiêu chuẩn sử dụng n- ớc

Tên công trình	Đơn vị sử dụng	Tiêu chuẩn (lít)
Nhà học	1 ng- ời trong 1 ngày	15 - 20
X- ưởng thực hành	1 ng- ời cho 1 ca	25
Phòng tắm	1 ng- ời trong 1 ngày	100 - 120

b) Thoát n- ớc: các cơ sở dạy nghề phải có hệ thống thoát n- ớc chung cho sinh hoạt, học tập và thực hành.

2.1.8 Yêu cầu về phòng cháy chữa cháy

Yêu cầu phòng cháy chữa cháy trong cơ sở dạy nghề đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 21/2003/QĐ-BXD ngày 28/7/2003 của Bộ Xây dựng ban hành Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXD Việt Nam 60: 2003 “Tr- ờng dạy nghề — Tiêu chuẩn thiết kế”.

CH□ TH□CH:

Từ mục 2.1.2 đến mục 2.1.8 Quy định đối với cơ sở đào tạo là các tr- ờng Trung cấp nghề trở lên.

2.2. Tiêu chuẩn riêng đối với cơ sở đào tạo thủy thủ, điều khiển ph-ong tiện ph-ong tiện thủy nội địa.

2.2.1. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu.

2.2.1.1. Yêu cầu về tên phòng học

a) Tên phòng học chuyên môn, phòng học thực hành đối với cơ sở đào tạo từ trình độ trung cấp nghề trở lên:

- Phòng học môn tin học;
- Phòng học môn ngoại ngữ;
- Phòng học môn Luật Giao thông đ-ong thủy nội địa;
- Phòng học môn điều khiển ph-ong tiện thủy nội địa;
- Phòng học môn thủy nghiệp cơ bản;
- Phòng thực hành rèn, nguội;
- Khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện.

b) Tên phòng học chuyên môn, phòng học thực hành đối với cơ sở đào tạo trình độ sơ cấp nghề, bổ túc nâng hạng bằng và bồi d-ong cấp chứng chỉ chuyên môn:

- Phòng học môn pháp luật giao thông đ-ong thủy nội địa;
- Phòng học môn điều khiển ph-ong tiện thủy nội địa;
- Phòng học môn thủy nghiệp cơ bản;
- Khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện.

2.2.1.2. Yêu cầu về trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với các phòng học chuyên môn:

a) Phòng học môn ngoại ngữ:

Phòng học ngoại ngữ phải có hệ thống loa, có đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá, có máy chiếu để minh hoạ.

b) Phòng học môn tin học:

Phòng học tin học phải có ít nhất 25 máy vi tính đ- ợc nối mạng Internet, máy in và các máy đ- ợc cài đặt phần mềm chuyên dụng.

c) Phòng học môn pháp luật về Giao thông đ- ờng thuỷ nội địa

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị đối với phòng học môn pháp luật về giao thông đ- ờng thuỷ nội địa quy định theo bảng 2.

Bảng 2.

**Số l- ợng trang thiết bị tối thiểu trong phòng học môn pháp luật về
giao thông đ- ờng thuỷ nội địa**

TT	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng cấp chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Bản đồ hệ thống sông ngòi khu vực	2		2		1		1	
2	Báo hiệu đ- ờng thuỷ nội địa	1 bộ	Mô hình	1 bộ	Mô hình	1 bộ	Mô hình	1 bộ	Mô hình
3	Tuyến đ- ờng thuỷ điển hình	1	Sa hình	1	Sa hình	1	Sa hình	1	Sa hình
4	Đèn báo hiệu	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật
5	Ph- ơng tiện thuỷ nội địa	1	Mô hình	1	Mô hình	1	Mô hình	1	Bản vẽ
6	Cờ hiệu	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật
7	Dấu hiệu	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật

CHỈ THÍCH:

1. Mô hình hệ thống báo hiệu đ- ờng thuỷ nội địa theo quy định tại Quyết định số 4099/2000/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2000 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn ngành: “Quy tắc báo hiệu đường thuỷ nội địa Việt Nam” số 22TCN 269-2000.

2. Sa hình đắp nổi khu vực tuyến đ- ờng thuỷ nội địa có kích th- ớc dài × rộng (3 × 1,5) m và thể hiện đ- ợc các tình huống điển hình cụ thể: ngã ba, ng- ỡng cạn, bến khách ngang sông, các công trình v- ợt sông và trên đó phải gắn mô hình báo hiệu đ- ờng thuỷ nội địa theo tình huống giống nh- ngoài thực địa;

3. Bản đồ toàn bộ hệ thống sông ngòi Việt Nam hoặc bản đồ hệ thống sông ngòi từng khu vực Bắc, Trung, Nam.

4. Phòng học môn điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị đối với phòng học môn điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa quy định theo bảng 3:

Bảng 3.

Số l- ợng trang thiết bị tối thiểu trong phòng học môn điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa

T T	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng cấp chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Hệ thống lái	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Bản vẽ
2	La bàn từ, điện	2	Vật thật	2	Vật thật	1			
3	Tốc độ kế	2	Vật thật	2	Vật thật	1		1	Vật thật
4	Máy đo sâu	2	Vật thật	2	Vật thật	1			
5	Hải đồ	1	Vật thật	1	Vật thật				
6	Dụng cụ thao tác hải đồ	10 bộ	Vật thật						
7	Máy liên lạc VHF	2	Vật thật	1	Vật thật				
8	Ra đa	1	Vật thật						
9	Máy định vị vệ tinh	1	Vật thật						

đ) Phòng học môn thủy nghiệp cơ bản

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị đối với phòng học môn thủy nghiệp cơ bản quy định theo bảng 4:

Bảng 4.

Số l- ợng trang thiết bị tối thiểu trong phòng học môn thủy nghiệp cơ bản

T T	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng cấp chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Neo 30 kg	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
2	Dây các loại (xích và dây mềm)	3 bộ	Vật thật	3 bộ	Vật thật	2 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật
3	Dụng cụ đấu dây	3 bộ	Vật thật	3 bộ	Vật thật	2 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật
4	Dụng cụ bảo quản	3 bộ	Vật thật	3 bộ	Vật thật	2bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật

5	Bảng nút dây	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
6	Tời trục neo	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
7	Bộ hãm nín	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
8	Cột bích đôi	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật
9	Cột bích đơn	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật
10	Phao cứu sinh các loại	3 bộ	Vật thật	3 bộ	Vật thật	2 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật
11	Bình cứu hoả	10	Vật thật	10	Vật thật	5	Vật thật	5	Vật thật
12	Dụng cụ sơn	2 bộ	Vật thật	2 bộ	Vật thật	2 bộ	Vật thật	2 bộ	Vật thật

2.2.1.3. Tiêu chuẩn đối với phòng học thực hành hàn, nguội.

Phòng học thực hành phải đảm bảo các cơ cấu gồm:

- Chỗ để dụng cụ, đồ nghề, vật liệu;
- Chỗ lên lớp tr- ớc khi thực hành;
- Chỗ đặt máy móc thiết bị và thực hành;
- Chỗ sửa chữa máy móc và hoàn chỉnh sản phẩm.

Diện tích phòng học thực hành phải đạt từ 60m² - 90m²

2.2.1.4. Yêu cầu về trang thiết bị đối với phòng học thực hành hàn, nguội.

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị đối với phòng học thực hành hàn, nguội quy định theo bảng 5:

Bảng 5.

Số l- ợng trang thiết bị tối thiểu trong phòng thực hành hàn, nguội

TT	Tên thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng cấp chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Ê tô	15	Vật thật	15	Vật thật	15	Vật thật	15	Vật thật
2	Bàn nguội, bàn sấn	3	Vật thật	3	Vật thật	3	Vật thật	2	Vật thật
3	Bàn mấp	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
4	Búa thợ nguội	15	Vật thật	15	Vật thật	15	Vật thật	15	Vật thật
5	Dũa các loại	15	Vật thật	15	Vật thật	15	Vật thật	15	Vật thật
6	Th- ớc đứng	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật
7	Kìm các loại	1 bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật

8	Đe	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
9	Máy tiện	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật		
10	Máy mài hai đá	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
11	Mũi đột các loại	1 bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật
12	Chạm chạt các loại	1 bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật	1bộ	Vật thật

2.2.1.5. Yêu cầu về trang thiết bị tối thiểu đối với khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện

Số l-ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị đối với khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện quy định theo bảng 6.

Bảng 6.

Số l-ợng trang thiết bị tối thiểu trong khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện

TT	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d-ỡng cấp chứng chỉ chuyên môn	
		Số l-ợng	Quy cách	Số l-ợng	Quy cách	Số l-ợng	Quy cách	Số l-ợng	Quy cách
1	Chiều dài vùng n-ớc riêng để dạy thực hành	1	2 km	1	2 km	1	2 km	1	1 Km
2	Báo hiệu trên bờ	4 bộ	Vật thật	4 bộ	Vật thật	4 bộ	Vật thật	10 bộ	Vật thật
3	Phao giới hạn luồng tàu	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật	2	
4	Chiều dài cầu tàu	30m	Vĩnh cửu	25m	Vĩnh cửu	20m	cầu tạm	15m	cầu tạm
5	Cột bích đôi, cột bích đơn	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật		
6	Ph-ong tiện dạy thực hành	1	>400m ã lực	1	>150 ÷ 400 mã lực	1	>75 ÷ 150 mã lực	1	15 mã lực

CHỖ THỰC:

1. Vùng n-ớc riêng để dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện phải đ-ợc cơ quan quản lý nhà n-ớc có thẩm quyền về giao thông đ-ờng thủy nội địa chấp thuận.

2. Báo hiệu đ-ờng thủy nội địa theo quy định tại Quyết định số 4099/ 2000/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2000 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn ngành: “Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam” số 22TCN 269-2000.

3. Tiêu chuẩn của ph-ong tiện dạy thực hành:

3.1 Phải đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

3.2 Phải có đủ tín hiệu theo quy định tại Tiêu chuẩn kỹ thuật của tín hiệu trên phương tiện thủy nội địa ban hành tại Quyết định số 30/2004/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2004 của Bộ Giao thông vận tải.

3.3 Phải bảo đảm đầy đủ các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định và buồng lái có diện tích tối thiểu 6m² để đảm bảo 10 học sinh cùng tham gia học.

2.2.2. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

2.2.2.1. Tiêu chuẩn đối với giáo viên

a) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên:

- Phẩm chất, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Lý lịch bản thân rõ ràng;
- Đạt trình độ chuẩn đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên:

1. Giáo viên dạy lý thuyết:

- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ sơ cấp nghề phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên;
- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ trung cấp nghề trở lên phải có bằng tốt nghiệp đại học s- phạm kỹ thuật hoặc đại học chuyên ngành trở lên;
- Giáo viên dạy môn ngoại ngữ phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng s- phạm ngoại ngữ trở lên;
- Giáo viên dạy môn tin học tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành tin học trở lên;

2. Giáo viên dạy thực hành

- Phải có bằng thuyền trưởng cao hơn một hạng đào tạo phân công giảng dạy và có thời gian công tác trong ngành giao thông vận tải đường thủy nội địa từ 24 tháng trở lên;
- Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng hạng nhất phải có bằng thuyền trưởng hạng nhất và có thời gian nghiệp vụ theo bằng thuyền trưởng hạng nhất từ 36 tháng trở lên;
- Cơ sở dạy nghề phải có đủ đội ngũ giáo viên để giảng dạy các khóa học theo đúng chương trình và kế hoạch quy định, bao gồm giáo viên cơ hữu (định biên chuyên trách giảng dạy tại cơ sở) và giáo viên thỉnh giảng. Số lượng giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% tổng số giáo viên hiện có.

- Giáo viên được mời thỉnh giảng đảm bảo theo quy định tại Điều 61 của Luật Dạy nghề và phải đạt trình độ chuẩn theo các quy định trên.

2.2.2.2. Tiêu chuẩn về tài liệu giảng dạy

a) Chương trình dạy nghề phải thể hiện mục tiêu dạy nghề; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức dạy nghề; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề;

b) Chương trình đào tạo nghề thủy thủ, người lái phương tiện, thuyền trưởng các hạng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định và ban hành thống nhất trong cả nước.

c) Giáo trình dạy nghề cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của mỗi mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề do cấp có thẩm quyền ban hành, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức của cơ sở mình.

d) Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

2.3. Tiêu chuẩn riêng đối với cơ sở đào tạo thợ máy và khai thác máy tàu thủy

2.3.1. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu

2.3.1.1. Yêu cầu về tên phòng học:

a) Tên phòng học chuyên môn, phòng học thực hành đối với cơ sở đào tạo từ trình độ trung cấp nghề trở lên:

- Phòng học môn tin học
- Phòng học môn ngoại ngữ
- Phòng học môn pháp luật giao thông đường thủy nội địa;
- Phòng học môn lý thuyết máy;
- Phòng học môn lý thuyết điện;
- Phòng thực hành máy - điện - cơ khí;
- Khu vực dạy thực hành vận hành máy.

b) Số lượng phòng học chuyên môn, phòng học thực hành đối với cơ sở đào tạo trình độ sơ cấp nghề

- Phòng học môn lý thuyết máy;
- Phòng học môn lý thuyết điện;
- Phòng thực hành máy - điện - cơ khí;

3. Bản đồ hệ thống sông ngòi Việt Nam hoặc bản đồ hệ thống sông ngòi khu vực Bắc, Trung, Nam.

d) Đối với phòng học môn lý thuyết máy - điện

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị trong phòng học môn lý thuyết máy - điện quy định theo bảng 15, 16:

Bảng 15.

Trang thiết bị tối thiểu trong phòng học lý thuyết máy

TT	Tên thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Máy tàu thủy	1	500 cv	1	400cv	1	150cv	1	15 cv
2	Các bản vẽ chi tiết máy	5 bộ	Khổ A1 trở lên	5 bộ	Khổ A1 trở lên	3 bộ	Khổ A1 trở lên	1 bộ	Khổ A1 trở lên
3	Hệ thống động lực tàu thủy	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Sơ đồ

Bảng 16.

Trang thiết bị tối thiểu trong phòng học lý thuyết điện

STT	Tên thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Động cơ điện	2	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Mô hình
2	Máy phát điện 1 chiều, xoay chiều	2	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Mô hình
3	Bản vẽ chi tiết thiết bị điện tàu thủy, máy phát điện 1 chiều, xoay chiều, động cơ điện	2 bộ		1 bộ		1 bộ		1 bộ	
4	Hệ thống thiết bị điện tàu thủy (ánh sáng, nạp, khởi động)	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Vật thật	1 bộ	Sơ đồ

2.3.1.3. Tiêu chuẩn chung đối với phòng học thực hành máy- điện - cơ khí.

Phòng học thực hành phải đảm bảo các cơ cấu gồm:

- + Chỗ để dụng cụ, đồ nghề, vật liệu;
- + Chỗ lên lớp tr- ớc khi thực hành;
- + Chỗ đặt máy móc thiết bị và thực hành;
- + Chỗ sửa chữa máy móc và hoàn chỉnh sản phẩm.

Diện tích phòng học thực hành phải đạt từ 60m² - 90m²

2.3.1.4. Yêu cầu về trang thiết bị trong phòng học thực hành máy - điện - cơ khí

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị trong phòng học thực hành máy-điện-cơ khí quy định theo bảng 17:

Bảng 17.

Trang thiết bị tối thiểu trong phòng thực hành máy- điện - cơ khí

TT	Tên thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Động cơ DIEZEN	1	>400 mã lực	1	>150 ÷ 400 mã lực	1	>15 ÷ 150 mã lực	1	15 mã lực
2	Động cơ xăng	1		1		1		1	15cv
3	Trục chân vịt	1	>Φ150 mm	1	>Φ100 ÷ Φ150 mm	1	>Φ50 ÷ Φ100 mm	1	Φ50 mm
4	Chân vịt	1	>Φ900 mm	1	>Φ600 ÷ Φ900 mm	1	Φ600 mm	1	
5	Tổ máy phát điện	1	>100 KVA	1	>30 ÷ 100 KVA	1	30 KVA		
6	Chuông điện	3	24 v	3	24 v	3	24 v	1	24 v
7	Còi điện	2	24v	2	24v	2	24v	1	24v
8	Tiết chế	1	24v	1	24v	1	24v	1	24v
9	Vôn kế	2		2		2		1	
10	Ampe kế xoay chiều	2		2		2		1	
11	Pan me	2		2		2		1	
12	Th- ớc cặp	2		2		2		1	
13	Máy khoan	1		1		1		1	

14	Hệ thống nạp và khởi động bằng khí nén	1		1					
15	Hệ thống nạp và khởi động bằng điện	1		1		1			
16	Đồng hồ đo điện vạn năng	1		1		1		1	
17	Máy hàn điện	1		1		1			
18	Máy tiện	1		1		1			

2.3.1.5. Yêu cầu về trang thiết bị tối thiểu của khu vực dạy thực hành khai thác máy

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị của khu vực dạy thực hành khai thác máy quy định theo bảng 18.

Bảng 18.

Trang thiết bị tối thiểu của khu vực dạy thực hành khai thác máy

TT	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba		Bồi d- ỡng chứng chỉ chuyên môn	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Chiều dài vùng n- ớc riêng để dạy thực hành	1	2 km	1	2 km	1	2 km	1	1 Km
2	Báo hiệu đ- ờng thủy nội địa	4 bộ	Vật thật	4 bộ	Vật thật	4 bộ	Vật thật	10 bộ	Vật thật
3	Phao giới hạn	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật	2	
4	Chiều dài cầu tàu	30m	Vĩnh cửu	25m	Vĩnh cửu	20m	cầu tạm	15m	cầu tạm
5	Cột bích đôi, cột bích đơn	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật		
6	Ph- ơng tiện dạy thực hành	1	>300 mã lực	1	>150÷300 mã lực	1	>75 ÷150 mã lực	1	15 mã lực

CH□ TH□CH:

1. Vùng n- ớc riêng để dạy thực hành khai thác máy phải đ- ợc cơ quan quản lý nhà n- ớc có thẩm quyền về giao thông đ- ờng thủy nội địa chấp thuận.

2. Báo hiệu đ- ờng thủy nội địa và phao giới hạn luồng theo quy định tại Quyết định số 4099/2000/QĐ- BGTVT ngày 28/12/2000 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn ngành: “ Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam” số 22TCN 269-2000.

3. Tiêu chuẩn của phòng dạy thực hành:

3.1. Phải đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phòng dạy thực hành nội địa;

3.2. Phải có đủ tín hiệu theo quy định tại Tiêu chuẩn kỹ thuật của tín hiệu trên phòng dạy thực hành nội địa ban hành tại Quyết định số 30/2004/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2004 của Bộ Giao thông vận tải.

3.3. Phải bảo đảm đầy đủ các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa theo quy định và buồng máy có diện tích tối thiểu 6m² để 10 học sinh cùng tham gia học.

2.3.2.2. Tiêu chuẩn đối với giáo viên

a) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên:

- Phẩm chất, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Lý lịch bản thân rõ ràng;
- Đạt trình độ chuẩn, được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên:

1. Giáo viên dạy lý thuyết:

- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ sơ cấp nghề phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên;
- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ trung cấp nghề trở lên phải có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật hoặc đại học chuyên ngành trở lên;
- Giáo viên dạy môn ngoại ngữ phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành ngoại ngữ trở lên;
- Giáo viên dạy môn tin học tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành tin học trở lên.

2. Giáo viên dạy thực hành

- Giáo viên dạy thực hành máy trờng phải có bằng máy trờng cao hơn một hạng được phân công giảng dạy;
- Giáo viên dạy thực hành máy trờng hạng nhất phải có bằng máy trờng hạng nhất và có thời gian nghiệp vụ theo bằng máy trờng hạng nhất từ 36 tháng trở lên;
- Cơ sở dạy nghề phải có đủ đội ngũ giáo viên để giảng dạy các khoá học theo đúng chương trình và kế hoạch quy định, bao gồm giáo viên cơ hữu (định biên chuyên trách giảng dạy tại cơ sở) và giáo viên thỉnh giảng. Số lượng giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% tổng số giáo viên hiện có;
- Giáo viên được mời thỉnh giảng đảm bảo theo quy định tại Điều 61 của Luật Dạy nghề và phải đạt trình độ chuẩn theo các quy định trên.

2.3.2.2. Tiêu chuẩn về tài liệu giảng dạy

- Chương trình dạy nghề phải thể hiện mục tiêu dạy nghề; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức dạy nghề; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề;

- Chương trình đào tạo nghề thợ máy, máy trờng các hạng do Bộ trờng Bộ Giao thông vận tải quy định và ban hành thống nhất trong cả nước;

- Giáo trình dạy nghề cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của mỗi mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề do cấp có thẩm quyền ban hành, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức của cơ sở mình;

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và đợc ghi chép đầy đủ theo quy định.

2.4. TIÊU CHUẨN CƠ SỞ ĐÀO TẠO HOA TIÊU ĐỜNG THỦY NỘI ĐỊA

2.4.1 Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu

2.4.1.1 Yêu cầu tên các phòng học chuyên môn, phòng học thực hành của cơ sở đào tạo hoa tiêu đờng thủy nội địa gồm:

- Phòng học môn tin học;
- Phòng học môn ngoại ngữ;
- Phòng học môn báo hiệu và luật giao thông đờng thủy nội địa;
- Phòng học môn điều khiển phương tiện thủy nội địa;

- Phòng học môn thủy, hải văn;
- Phòng học môn khảo sát đ- ờng thủy và quản lý luồng lạch.

2.4.1.2. Yêu cầu về trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với các phòng học chuyên môn:

a) Đối với phòng học môn ngoại ngữ:

Phòng học ngoại ngữ phải có hệ thống loa, có đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá, có máy chiếu để minh hoạ .

b) Đối với phòng học môn tin học:

Phòng học tin học phải có ít nhất 25 máy vi tính đ- ợc nối mạng Internet, có máy chủ, máy in và các máy đ- ợc cài đặt phần mềm chuyên dụng để vẽ bình đồ đ- ờng sông, vẽ mặt cắt ngang sông, tính diện tích mặt cắt vị trí nạo vét, vẽ đ- ờng quá trình mực n- ớc.

c) Đối với phòng học môn báo hiệu và luật giao thông đ- ờng thủy nội địa

- Có sa bàn đắp nổi thể hiện các khu vực luồng điển hình th- ờng gặp nh- : đoạn sông cong, sông phân nhánh, nơi luồng giao nhau, có công trình v- ợt sông trên không, có kè ếp bờ, kè mở hàn, có vật ch- ớng ngại, trên đó bố trí đủ các báo hiệu trên bờ, d- ới n- ớc.

- Có mô hình các loại báo hiệu đ- ờng thủy nội địa phục vụ cho việc giảng dạy trên lớp. Có một số phao, cột báo hiệu tiêu biểu bằng vật liệu và kích th- ớc thực tế đang sử dụng trên đ- ờng thủy nội địa.

- Có bản quy tắc báo hiệu đ- ờng thủy nội địa hiện hành, bản đồ các hệ thống sông chính và các tuyến đ- ờng thủy nội địa Miền Bắc- Trung - Nam.

- Có các loại đèn báo hiệu điện thông dụng, đủ các chế độ sáng và màu sắc theo quy tắc báo hiệu hiện hành, có đủ các loại báo hiệu dùng ắc quy và pin năng l- ợng mặt trời thông dụng.

d) Phòng học thủy, hải văn:

- Có các loại mia để thiết lập cột thủy chí đo mực n- ớc;
- Có tối thiểu 01 máy đo mực n- ớc tự ghi;
- Có tối thiểu 01 máy đo l- u tốc;
- Có bảng thủy triều tập I, tập II hàng năm;
- Có các biểu đồ thể hiện đ- ờng quan hệ mực n- ớc : H ~ t, H ~ H, H ~ i;
- Có các biểu mẫu ghi chép, báo cáo số liệu về mực n- ớc theo quy định của Cục Đ- ờng thủy nội địa Việt Nam

d) Đối với phòng học môn điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị trong phòng học môn điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa quy định theo bảng 26:

Bảng 26.

Trang thiết bị tối thiểu trong phòng học môn điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa

TT	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Hệ thống lái	1	Mô phỏng	1	Mô phỏng	1	Mô phỏng
2	La bàn từ	5	Vật thật	5	Vật thật	5	Vật thật
3	Tốc độ kế	5	Vật thật	5	Vật thật	5	Vật thật
4	Máy đo sâu	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật
5	Hải đồ	5	Vật thật	5	Vật thật	3	Vật thật
6	Dụng cụ thao tác hải đồ	10 bộ	Vật thật	10 bộ	Vật thật	5bộ	Vật thật
7	Máy liên lạc VHF	3	Vật thật	3	Vật thật	1	Vật thật
8	Ra đa	1	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật
9	Máy định vị vệ tinh	2	Vật thật	1	Vật thật	1	Vật thật

2.4.1.3. Yêu cầu về trang thiết bị tối thiểu của khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện

Số l- ợng tối thiểu và quy cách các trang thiết bị tại khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện quy định theo bảng 27.

Bảng 27.

Trang thiết bị tối thiểu của khu vực dạy thực hành điều khiển ph-ong tiện

TT	Tên trang thiết bị	Đào tạo, bổ túc đến hạng nhất		Đào tạo, bổ túc đến hạng nhì		Đào tạo, bổ túc đến hạng ba	
		Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách	Số l- ợng	Quy cách
1	Chiều dài vùng n- ớc riêng để dạy thực hành	1	3km	1	3 km	1	2 km
2	Báo hiệu đ- ờng thủy nội địa	4 bộ	Vật thật	4 bộ	Vật thật	4 bộ	Vật thật
3	Phao giới hạn	2	Vật thật	2	Vật thật	2	Vật thật
4	Chiều dài cầu tàu	30m	Vĩnh cửu	25m	Vĩnh cửu	20m	Vĩnh cửu
5	Cột bích đôi, cột bích đơn	2	Vật thật	2	Vật thật	1	Vật thật
6	Ph-ong tiện dạy thực hành	1	>400 mã lực	1	>400 mã lực	1	>150 mã lực

CHỈ THÍCH:

1. Vùng n-ớc riêng để dạy thực hành điều khiển ph-ơng tiện phải đ-ợc cơ quan quản lý nhà n-ớc có thẩm quyền về giao thông đ-ờng thuỷ nội địa chấp thuận.

2. Báo hiệu đ-ờng thuỷ nội địa và phao giới hạn luồng theo quy định tại Quyết định số 4099/ 2000/ QĐ- BGTVT ngày 28/12/ 2000 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn ngành: “Quy tắc báo hiệu đường thuỷ nội địa Việt Nam” số 22TCN 269-2000.

3. Tiêu chuẩn của ph-ơng tiện dạy thực hành:

3.1 Phải đạt tiêu chuẩn chất l-ợng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi tr-ờng theo quy định tại Quyết định số 25/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2004 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm ph-ơng tiện thuỷ nội địa;

3.2 Phải có đủ tín hiệu theo quy định tại Tiêu chuẩn kỹ thuật của tín hiệu trên ph-ơng tiện thuỷ nội địa ban hành tại Quyết định số 30/2004/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2004 của Bộ Giao thông vận tải.

3.3 Phải bảo đảm đầy đủ các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hoả theo quy định và buồng lái có diện tích tối thiểu 6m² để 10 học sinh cùng tham gia học.

2.4.2. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

2.4.2.1. Tiêu chuẩn đối với giáo viên

a) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên:

- Phẩm chất, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Lý lịch bản thân rõ ràng;
- Đạt trình độ chuẩn, đ-ợc đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên:

1. Giáo viên dạy lý thuyết:

- Phải có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành trở lên đ-ợc phân công giảng dạy;
- Ngoại ngữ trình độ C tiếng Anh trở lên;
- Tin học trình độ B vi tính trở lên;
- Giáo viên dạy môn ngoại ngữ phải có bằng tốt nghiệp đại học s- phạm ngoại ngữ trở lên;
- Giáo viên dạy môn tin học phải có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành tin học trở lên;

2. Giáo viên dạy thực hành

- Phải có chứng chỉ hoa tiêu đ-ờng thuỷ nội địa cao hơn một hạng đ-ợc phân công giảng dạy;

- Giáo viên dạy thực hành hoa tiêu hạng nhất phải có chứng chỉ hoa tiêu hạng nhất và có thời gian nghiệp vụ hoa tiêu hạng nhất từ 36 tháng trở lên;

- Cơ sở dạy nghề phải có đủ đội ngũ giáo viên để giảng dạy các khoá học theo đúng ch-ơng trình và kế hoạch quy định, bao gồm giáo viên cơ hữu(định biên chuyên trách giảng dạy tại cơ

sở) và giáo viên thỉnh giảng. Số lượng giáo viên thỉnh giảng không vượt quá 50% tổng số giáo viên hiện có;

- Giáo viên được mời thỉnh giảng đảm bảo theo quy định tại Điều 61 của Luật Dạy nghề và phải đạt trình độ chuẩn theo các quy định trên.

2.4.2.2. Tiêu chuẩn về tài liệu giảng dạy

- Chương trình dạy nghề phải thể hiện mục tiêu dạy nghề; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức dạy nghề; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô-đun, môn học, mỗi nghề;

- Chương trình đào tạo học tiêu đề ứng nội địa các hạng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và ban hành thống nhất trong cả nước.

- Giáo trình dạy nghề cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của mỗi mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề do cấp có thẩm quyền ban hành, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức của cơ sở mình.

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và được ghi chép đầy đủ theo quy định.

2.5 TIÊU CHUẨN CƠ SỞ ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐỒNG THỦY

2.5.1 Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học liệu

2.5.1.1 Yêu cầu về tên phòng học:

a) Tên phòng học chuyên môn, phòng học thực hành đối với cơ sở đào tạo trình độ trung cấp nghề:

- Phòng học môn tin học
- Phòng học môn ngoại ngữ
- Phòng học môn báo hiệu và luật giao thông đường thủy nội địa;
- Phòng học môn thủy văn;
- Phòng học môn khảo sát đường thủy;
- Phòng học nghiệp vụ quản lý luồng tàu;
- Phòng học môn thủy nghiệp cơ bản và điều khiển phương tiện.

b) Tên phòng học chuyên môn, phòng học thực hành đối với cơ sở đào tạo sơ cấp nghề:

- Phòng học môn báo hiệu và luật giao thông đường thủy nội địa;
- Phòng học môn thủy văn;
- Phòng học môn khảo sát đường thủy;
- Phòng học nghiệp vụ quản lý luồng tàu;
- Phòng học môn thủy nghiệp cơ bản và điều khiển phương tiện.

2.5.1.2. Yêu cầu về trang thiết bị, đồ dùng học liệu đối với các phòng học chuyên môn:

a) Đối với phòng học môn ngoại ngữ:

Phòng học ngoại ngữ phải có hệ thống loa, có đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học phát âm và nghe các bài khoá, có máy chiếu để minh hoạ .

b) Đối với phòng học môn tin học:

Phòng học tin học phải có ít nhất 25 máy vi tính đ- ợc nối mạng Internet, có máy chủ, máy in và các máy đ- ợc cài đặt phần mềm chuyên dụng để vẽ bình đồ đ- ờng sông, vẽ mặt cắt ngang sông, tính diện tích mặt cắt vị trí nạo vét, vẽ đ- ờng quá trình mực n- ớc.

c) Phòng học báo hiệu và luật giao thông đ- ờng thuỷ nội địa:

- Có sa bàn đắp nổi thể hiện các khu vực luồng điển hình th- ờng gặp nh- : đoạn sông cong, sông phân nhánh, nơi luồng giao nhau, có công trình v- ợt sông trên không, có kè ốp bờ, kè mở hàn, có vật ch- ớng ngại, trên đó bố trí đủ các báo hiệu trên bờ, d- ới n- ớc.

- Có mô hình các loại báo hiệu đ- ờng thuỷ nội địa phục vụ cho việc giảng dạy trên lớp. Có một số phao, cột báo hiệu tiêu biểu bằng vật liệu và kích th- ớc thực tế đang sử dụng trên đ- ờng thuỷ nội địa.

- Có bản quy tắc báo hiệu đ- ờng thuỷ nội địa hiện hành, bản đồ các hệ thống sông chính và các tuyến đ- ờng thuỷ nội địa Miền Bắc- Trung - Nam.

- Có các loại đèn báo hiệu điện thông dụng, đủ các chế độ sáng và màu sắc theo quy tắc báo hiệu hiện hành, có đủ các loại báo hiệu dùng ác quy và pin năng l- ợng mặt trời thông dụng.

- Có đủ dụng cụ để duy tu bảo d- ỡng báo hiệu, có vật liệu thông dụng để gia công báo hiệu tạm.

d) Phòng học thuỷ văn:

- Có các loại mia để thiết lập cột thuỷ chí đo mực n- ớc;

- Có tối thiểu 01 máy đo mực n- ớc tự ghi;

- Có tối thiểu 01 máy đo l- u tốc;

- Có bảng thuỷ triều tập I, tập II hàng năm;

- Có các biểu đồ thể hiện đ- ờng quan hệ mực n- ớc : H ~ t, H ~ H, H ~ i;

- Có các biểu mẫu ghi chép, báo cáo số liệu về mực n- ớc theo quy định của Cục Đ- ờng thuỷ nội địa Việt Nam

đ) Phòng học khảo sát đ- ờng thuỷ:

- Có tối thiểu 06 máy thuỷ bình;

- Có tối thiểu 04 máy kinh vĩ (quang học hoặc điện tử);

- Có tối thiểu 01 máy đo khoảng cách hiện số(dùng để đo To);

- Có tối thiểu 03 bộ máy bộ đàm;

- Có tối thiểu 01 máy toàn đạc;

- Có tối thiểu 01 máy định vị vệ tinh GPS;

- Có tối thiểu 01 máy đo sâu hồi âm;

- Có tối thiểu 02 máy kiểm tra độ sâu cầm tay;
- Có tối thiểu 01 máy đo khoảng cách trực tiếp để đo tĩnh không cầu và các công trình v- ợt sông;
- Có các phần mềm chuyên dụng để vẽ mặt cắt ngang sông, tính diện tích mặt cắt vị trí nào vệt, vẽ đ- ờng quá trình mực n- ớc, vẽ bình đồ đ- ờng sông;
- Có ph- ơng tiện, dụng cụ dùng để một tổ khảo sát đo dò bãi cạn bằng ph- ơng pháp thô sơ.

e) Phòng học nghiệp vụ quản lý luồng tàu.

- Có đủ các loại sổ sách, biểu mẫu quản lý trạm mẫu-tuyến mẫu do Cục Đ- ờng thủy nội địa Việt Nam quy định.
- Có bảng tiêu chuẩn tuyến mẫu, bảng tiêu chuẩn trạm mẫu, bảng phân cấp kỹ thuật đ- ờng thủy nội địa.
- Có các loại bình đồ cao độ các đoạn cạn điển hình trên đ- ờng thủy nội địa

g) Phòng học thủy nghiệp cơ bản và điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa:

- Có đủ thiết bị, dụng cụ cần thiết cho học thực hành nh- : Bích đơn, bích đôi, tắc kê, neo và tời trục neo, xích và bộ hãm xích, các loại dây nylon, dây thảo mộc, dây cáp, dụng cụ đấu dây, tạo khuyết cáp, dụng cụ bảo quản sơn tàu, duy tu bảo d- ỡng BH, các dụng cụ cứu hoả, cứu đắm.

- Mô hình tàu, mô hình buồng lái, hệ thống đèn hành trình, hệ thống còi, đèn tín hiệu. Mô hình hệ thống lái gồm máy lái, hệ thống dây truyền lực, puly chuyển h- ớng, quạt lái, bánh lái, hệ thống trục lái, chân vịt vv.

- Có tàu 12 - 23 cv chuyên dùng lắp đặt các thiết bị đo sâu, đo l- u tốc.
- Có tàu 33 - 90 cv chuyên dùng lắp đặt cần cầu phục vụ trục, thả phao và hành trình kiểm tra tuyến.
- Có vùng n- ớc, có cầu tàu, có phao giới hạn vùng n- ớc để dạy thực hành nghiệp vụ d- ới sông n- ớc, có khu vực luồng chạy tàu thuyền đ- ợc lắp đặt những báo hiệu cần thiết để học sinh thực tập.

2.5.2. Tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ

2.5.2.1. Tiêu chuẩn đối với giáo viên

a) Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên:

- Phẩm chất, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Lý lịch bản thân rõ ràng;
- Đạt trình độ chuẩn, đ- ợc đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên:

1. Giáo viên dạy lý thuyết:

- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ sơ cấp nghề phải có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên;

- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ trung cấp nghề phải có bằng tốt nghiệp đại học s- phạm kỹ thuật hoặc đại học chuyên ngành trở lên và có thời gian công tác trong ngành giao thông vận tải đ- ờng thủy nội địa từ 24 tháng trở lên;

- Giáo viên dạy môn ngoại ngữ phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng s- phạm ngoại ngữ trở lên;

- Giáo viên dạy môn tin học tối thiểu phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành tin học trở lên;

2. Giáo viên dạy thực hành

- Giáo viên dạy thực hành phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc hoặc ng- ời có tay nghề cao (từ bậc 5/7) và có thời gian công tác từ 24 tháng trở lên;

- Cơ sở dạy nghề phải có đủ đội ngũ giáo viên để giảng dạy các khoá học theo đúng ch- ơng trình và kế hoạch quy định, bao gồm giáo viên cơ hữu (định biên chuyên trách giảng dạy tại cơ sở) và giáo viên thỉnh giảng. Số l- ợng giáo viên thỉnh giảng không v- ợt quá 50% tổng số giáo viên hiện có.

- Giáo viên đ- ọc mời thỉnh giảng đảm bảo theo quy định tại Điều 61 của Luật Dạy nghề và phải đạt trình độ chuẩn theo các quy định trên.

2.5.2.2. Tiêu chuẩn về tài liệu giảng dạy

- Ch- ơng trình dạy nghề phải thể hiện mục tiêu dạy nghề; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, ph- ơng pháp và hình thức dạy nghề; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô- đun, môn học, mỗi nghề;

- Ch- ơng trình đào tạo công nhân quản lý công trình đ- ờng thủy do cấp có thẩm quyền ban hành;

- Giáo trình dạy nghề cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của mỗi mô- đun, môn học trong ch- ơng trình đào tạo nghề do cấp có thẩm quyền ban hành, tạo điều kiện để thực hiện ph- ơng pháp dạy học tích cực. Ng- ời đứng đầu cơ sở dạy nghề tổ chức biên soạn và duyệt giáo trình làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức của cơ sở mình.

- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý giảng dạy, theo dõi học tập và đ- ọc ghi chép đầy đủ theo quy định.

Ch-ong III
HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO
THUYỀN VIÊN, NG-ỒI LÁI PH-ONG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

3.1. Điều kiện để cấp giấy Chứng nhận:

Cơ sở dạy nghề đ-ợc cấp giấy Chứng nhận khi có đủ các điều kiện sau:

3.1.1. Có đủ phòng học, bàn ghế, x-ởng và khu vực dạy thực hành cùng các trang thiết bị học tập đáp ứng yêu cầu về điều kiện thực hiện nội dung, ch-ong trình giảng dạy phần lý thuyết và thực hành theo quy định của tiêu chuẩn và các văn bản khác có liên quan về dạy nghề.

3.1.2. Có đủ tài liệu, giáo trình, giáo án và sổ sách biểu mẫu theo quy định của Bộ GTVT và các văn bản khác có liên quan về dạy nghề.

3.1.3. Có đội ngũ giáo viên đủ tiêu chuẩn quy định và các văn bản khác có liên quan về dạy nghề.

3.2. Hồ sơ đăng ký đào tạo nghề thuyền viên, ng-ời lái ph-ong tiện thủy nội địa.

3.2.1. Hồ sơ đăng ký đào tạo nghề thuyền viên, ng-ời lái ph-ong tiện thủy nội địa lần đầu bao gồm:

3.2.1.1. Văn bản đề nghị cấp phép đào tạo nghề thuyền viên, ng-ời lái ph-ong tiện thủy nội địa của cơ sở dạy nghề;

3.2.1.2. Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập của cơ sở dạy nghề;

3.2.1.3. Bản sao có chứng thực giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề do cấp có thẩm quyền cấp;

3.2.1.4. Văn bản nhất trí của Sở GTVT nơi cơ sở dạy nghề đặt trụ sở (áp dụng đối với các cơ sở dạy trực thuộc địa ph-ong quản lý);

3.2.1.5. Bản tự khai và chấm điểm theo các tiêu chí về cơ sở vật chất, phòng học, x-ởng và khu vực dạy thực hành, các trang thiết bị, ph-ong tiện học liệu và đội ngũ giáo viên (theo mẫu);

3.2.1.6. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy bao gồm giáo viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng, kèm theo bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của từng cá nhân;

3.2.1.7. Các giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu (hoặc hợp đồng thuê) ph-ong tiện, cầu cảng; văn bản chấp thuận đ-ợc sử dụng vùng n-ớc để dạy thực hành, của cơ quan có thẩm quyền; ph-ong tiện dạy thực hành phải có đầy đủ giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm và các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hoả theo quy định.

**TIÊU CHÍ THẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI CƠ SỞ ĐÀO TẠO
THUYỀN VIÊN, NGỒI LÁI PHÒNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA**

Số TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm CS tự đánh giá	Điểm thẩm định
I	Tiêu chí 1: VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT: Đ- ọc đánh giá bởi 4 tiêu chuẩn sau:	120,00		
1	Tiêu chuẩn chung đối với phòng học.	10,0		
	- Diện tích tối thiểu đạt 48m ² , định mức chung đạt 1,5m ² /học sinh.	2,5		
	- Đủ tiêu chuẩn ánh sáng tự nhiên và các thiết bị chiếu sáng nhân tạo.	2,5		
	- Không gian thông thoáng, xa nơi có tiếng ồn, môi tr- ờng ô nhiễm.	2,5		
	- Đủ trang thiết bị kỹ thuật, mô hình học cụ, đồ dùng giảng dạy.	2,5		
2	Tiêu chuẩn riêng đối với phòng học chuyên môn.	60,0		
2.1	Phòng học ngoại ngữ:	5,0		
	- Có đủ hệ thống loa, đài, đầu đĩa phát băng, đĩa ghi âm để học			
2.2	Phòng học tin học:	5,0		
	Có ít nhất 5 máy vi tính, đ- ọc lắp đặt trên các bàn chuyên dùng.			
2.3	Phòng học pháp luật về GTĐTND: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 1 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	10,0		
	- Bản đồ hệ thống sông ngòi	1,0		
	- Báo hiệu	2,0		
	- Tuyến vận tải (sa hình)	3,0		
	- Đèn báo hiệu điện	2,0		
	- Ph- ơng tiện thủy nội địa (mô hình)	2,0		
2.4	Phòng học điều khiển ph- ơng tiện thủy nội địa: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 2 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	15,0		
	- Mô phỏng hoặc mô hình hệ thống lái	5,0		
	- La bàn từ	1,0		
	- Tốc độ kế	1,0		
	- Máy đo sâu	1,0		
	- Hải đồ biển Đông	2,0		
	- Dụng cụ thao tác Hải đồ	1,0		
	- Máy liên lạc tần số VHF	1,0		
	- Ra đa	1,0		
	- Máy định vị vệ tinh	2,0		
2.5	Phòng học lý thuyết máy - điện: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 3, 4 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	10,0		

	- Máy tàu thủy	2		
	- Các bản vẽ chi tiết máy	1,0		
	- Hệ thống động lực tàu thủy	1,5		
	- Động cơ điện tàu thủy	1,5		
	- Máy phát điện tàu thủy	1,5		
	- Bản vẽ chi tiết thiết bị điện tàu thủy	1,0		
	- Hệ thống thiết bị điện tàu thủy (ánh sáng, nạp, khởi động)	1,5		
2.6	Phòng học thủy nghiệp cơ bản: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 5 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	12,0		
	- Neo	1,0-		
	- Dây các loại	1,0		
	- Dụng cụ đấu dây	1,0		
	- Dụng cụ bảo quản	0,5		
	- Bảng nút dây	1,0		
	- Tời trục neo	1,0		
	- Bộ hãm nỉn	1,0		
	- Cột bích đôi	0,5		
	- Cột bích đơn	0,5		
	- Phao cứu sinh các loại	0,5		
	- Đèn tín hiệu các loại	2,5		
	- Bình cứu hỏa các loại	2,5		
	- Dụng cụ sơn tàu	0,5		
3	Tiêu chuẩn đối với x- ồng thực tập	30,0		
3.1	X- ồng thực tập nguội: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 6 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	12,5		
	- Diện tích từ 60m ² trở lên	3,5		
	- Ê tô	1,0		
	- Bàn nguội	1,5		
	- Bàn máp	1,5		
	- Búa thợ nguội	0,5		
	- Dũa các loại	0,5		
	- Th- ớc đứng	0,5		
	- Kìm	0,5		
	- Đe	0,5		
	- Máy tiện	2,5		
	- Máy mài hai đá	1,0		
3.2	X- ồng thực tập máy-điện-cơ khí: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 7 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	17,5		
	- Diện tích từ 60m ² trở lên	3,5		
	- Động cơ Diezen	3,0		
	- Động cơ xăng	2,0		
	- Trục chân vịt	0,5		
	- Chân vịt	0,5		
	- Tổ máy phát điện	1,0		

	- Chuông điện	0,5		
	- Còi điện	0,5		
	- Tiết chế	0,5		
	- Vôn kế	0,5		
	- Ampe kế	0,5		
	- Pan me	0,5		
	- Thuốc cặp	0,5		
	- Máy khoan	0,5		
	- Hệ thống nạp và khởi động bằng khí nén	0,5		
	- Hệ thống nạp và khởi động bằng khí điện	0,5		
	- Đồng hồ đo điện vạn năng	0,5		
	- Máy hàn điện	0,5		
	- Máy tiện	1,0		
4	Tiêu chuẩn đối với khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy: Có số l- ợng tối thiểu và quy cách tại Phụ lục 8 của Quyết định 18/2008/QĐ-BGTVT.	<u>20,0</u>		
	- Vùng n- ớc riêng để dạy thực hành	3,0		
	- Cột báo hiệu	1,5		
	- Phao giới hạn	1,5		
	- Cầu tàu	6,0		
	- Cột bích đôi	1,0		
	- Ph- ơng tiện thủy nội địa	6,0		
	- Địa điểm để học sinh ngồi quan sát, chờ thực hành.	1,0		
II	<u>Tiêu chí 2 : VỀ TÀI LIỆU GIẢNG DẠY:</u> Đ- ọc đánh giá bởi 3 tiêu chuẩn sau:	<u>40,0</u>		
1	Tiêu chuẩn đối với mục tiêu ch- ơng trình	<u>15,0</u>		
	Có đủ mục tiêu ch- ơng trình, giáo trình và tài liệu tham khảo			
2	Tiêu chuẩn đối với giáo án, bài giảng	<u>10,0</u>		
	- Có đủ giáo án, bài giảng của từng môn học theo quy định.			
3	Tiêu chuẩn đối với sổ sách, biểu mẫu quản lý	<u>15,0</u>		
	- Có đủ sổ sách, biểu mẫu phục vụ công tác quản lý, theo dõi.			
III	<u>Tiêu chí 3: VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN:</u> Đ- ọc đánh giá bởi 2 tiêu chuẩn sau:	<u>40,0</u>		
1	Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên	<u>20,0</u>		
	- Đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy các môn học theo quy định.	7,0		
	- Số giáo viên hợp đồng không v- ợt quá 50% số giáo viên cần có.	6,0		
	- Đạt trình độ chuẩn giáo viên dạy nghề theo Luật Dạy nghề.	7,0		
2	Tiêu chuẩn riêng đối với giáo viên.	<u>20,0</u>		
2.1	Giáo viên lý thuyết:	10,0		
	- Có bằng tốt nghiệp Trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề trở lên, đúng chuyên ngành;	3,0		
	- Đạt trình độ A tiếng Anh trở lên;	2,0		

	- Đạt trình độ A vi tính trở lên;	2,0		
	- Giáo viên dạy tiếng Anh phải có bằng tốt nghiệp cao đẳng s- phạm ngoại ngữ hoặc bằng đại học ngoại ngữ tiếng Anh.	3,0		
2.2	Giáo viên thực hành:	10,0		
	- Có bằng cao hơn 1 hạng so với hạng bằng giảng dạy;	4,0		
	- Giáo viên dạy thực hành truyền tr- ởng, máy tr- ởng hạng nhất, phải có bằng truyền tr- ởng, bằng máy tr- ởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh bằng hạng nhất từ 36 tháng trở lên	6,0		
<u>Tổng số</u>		<u>200,00</u>		

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN CÁCH CHẤM ĐIỂM VÀ PHÂN LOẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Hướng dẫn chấm điểm

1.1. Chấm điểm về tiêu chí cơ sở vật chất, trang thiết bị :

1.1.1. Tiêu chuẩn chung về phòng học :

a) Phòng học đạt tiêu chuẩn, đạt định mức chung thì chấm điểm bằng số điểm chuẩn;

b) Phòng học không đạt tiêu chuẩn, không đạt định mức chung thì chấm điểm bằng 80% số điểm chuẩn;

1.1.2. Tiêu chuẩn riêng đối với phòng học:

a) Phòng học chuyên môn và khu vực dạy thực hành có đủ số lượng các trang thiết bị và học cụ theo quy định thì chấm điểm bằng số điểm chuẩn;

b) Phòng học chuyên môn và khu vực dạy thực hành có số lượng các trang thiết bị và học cụ nhỏ hơn, nh- ng không nhỏ hơn 50% theo số lượng quy định thì chấm điểm bằng 80% số điểm chuẩn;

c) Phòng học chuyên môn và khu vực dạy thực hành có số lượng các trang thiết bị và học cụ nhỏ hơn 50% theo số lượng quy định thì chấm điểm bằng 50% số điểm chuẩn;

1.2. Chấm điểm về tiêu chí tài liệu giảng dạy :

a) Cơ sở đào tạo có đủ mục tiêu chương trình, giáo trình, giáo án, bài giảng của từng môn học và có đủ sổ sách theo quy định thì chấm điểm bằng số điểm chuẩn;

b) Trường hợp không có đủ mục tiêu chương trình, giáo án, bài giảng của từng môn học, sổ sách theo quy định thì chấm bằng 70% số điểm chuẩn theo quy định của từng tiêu chuẩn bị thiếu.

1.3. Chấm điểm về tiêu chí giáo viên :

1.3.1. Tiêu chuẩn chung đối với giáo viên :

a) Cơ sở đào tạo có đủ số lượng giáo viên và đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định thì chấm điểm bằng số điểm chuẩn;

b) Trường hợp số lượng giáo viên không đủ hoặc không đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định thì chấm điểm bằng 70% số điểm chuẩn theo quy định của từng tiêu chuẩn còn thiếu.

2. Phân loại các cơ sở dạy nghề :

Tổng số điểm chuẩn để đánh giá đối với cơ sở dạy nghề là 200 điểm.

Trong đó :

Tiêu chí 1 về cơ sở vật chất : 120 điểm;

Tiêu chí 2 về tài liệu giảng dạy : 40 điểm;

Tiêu chí 3 về giáo viên : 40 điểm.

2.1. Cơ sở đào tạo có tổng số điểm đạt trên 80% của tổng số điểm chuẩn và có số điểm của tiêu chí 3 không nhỏ hơn 75% của số điểm chuẩn thì đạt yêu cầu;

2.2. Cơ sở đào tạo có tổng số điểm từ 60% đến 80% của tổng số điểm chuẩn và có số điểm của tiêu chí 3 không nhỏ hơn 75% của số điểm chuẩn thì tạm thời dừng nhiệm vụ dạy nghề trong thời gian 6 tháng để củng cố các trang thiết bị, cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy và được cơ quan cấp giấy chứng nhận thẩm định lại, nếu đạt yêu cầu tiếp tục được dạy nghề.

2.3. Cơ sở đào tạo có tổng số điểm dưới 60% của tổng số điểm chuẩn và có số điểm của tiêu chí 3 nhỏ hơn 75% của số điểm chuẩn thì bị đình chỉ hoạt động dạy nghề thuyên viên, ngừng lái ph-ong tiện.

